

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 89/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo

2. Ông Nguyễn Thanh Cần

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1973.

Địa chỉ thường trú: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ tạm trú: Tổ 3, khu phố 1, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975.

Địa chỉ thường trú: Ấp L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ tạm trú: Tổ 3, khu phố 1, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Bà Phan Thị L và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14/09, ngày 23/02/2009.

Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy cãi vã. Nguyên nhân do ông T có tính gia trưởng, thường xuyên dùng từ ngữ thô tục đối với bà L, ông T đi làm nhưng không có hỗ trợ bà L trong việc chăm lo gia đình, con cái. Hai vợ chồng không có tiếng nói chung, mỗi người chỉ tự lo cho bản thân, không còn tình cảm. Nhận thấy, giữa hai vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Bà L và ông T có 01 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 30/4/2011. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà L kinh doanh tại nhà, có thu nhập hàng tháng ổn định từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng và có điều kiện về thời gian nên có đủ khả năng để nuôi con. Ông T thường xuyên đi làm thường xuyên vắng nhà nên không đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Thanh T nhưng ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị L vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh T đang cư trú tại phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị L vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn

Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 23/02/2009, bà Phan Thị L và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Xét thấy, bà L xác định giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy cãi vã. Nguyên nhân do ông T có tính gia trưởng, thường xuyên dùng từ ngữ thô tục đối với bà L, ông T đi làm nhưng không có hỗ trợ bà L trong việc chăm lo gia đình, con cái. Hai vợ chồng không có tiếng nói chung, mỗi người chỉ tự lo cho bản thân, không còn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T nhiều lần để tiến hành hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt, điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Phan Thị L và ông Nguyễn Thanh T có 01 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 30/4/2011. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay, cháu Tấn đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng sống chung với bà L. Bà L có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Ông T cũng không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, việc bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Phan Thị L phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 30/4/2011 cho bà Phan Thị L được quyền trực tiếp nuôi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0006017 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- CC THADS thị xã Tân Uyên;
- UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Trung